

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 55/2026/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1979; Trú tại: **Thôn C, xã L, tỉnh Hưng Yên**.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Công ty L**; Địa chỉ: **Số A, đường K, phường T, thành phố Hà Nội**.

Người đại diện: Luật sư **Nguyễn Thị N** – Chức vụ: Giám đốc.

Công ty L Nguyễn cử luật sư: **Nguyễn Thị N** và **Vũ Công T** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

- **Bị đơn:** Anh **Trịnh Văn H**, sinh năm 1979; Trú tại: **Thôn N, xã L, tỉnh Hưng Yên**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về nợ: Đại diện nguyên đơn và anh **Trịnh Văn H** thống nhất: Tính đến ngày 17/4/2026 anh **Trịnh Văn H** còn nợ chị **Nguyễn Thị C** tổng số tiền là 783.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi ba triệu đồng). Trong đó: Tiền gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); Tiền lãi là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng).

* Về việc cam kết, phương thức và thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

- Về nợ gốc với số tiền là 700.000.000 đồng: Các bên thống nhất thỏa thuận, anh **Trịnh Văn H** phải thanh toán trả chị **Nguyễn Thị C** số nợ trên thành 7 đợt cụ thể như sau:

+ Đợt 1: Ngày 19/5/2026 anh **Trịnh Văn H** phải trả chị **Nguyễn Thị C** số tiền là 100.000.000 đồng.

+ Đợt 2: Ngày 19/6/2026 anh **Trịnh Văn H** phải trả chị **Nguyễn Thị C** số tiền là 100.000.000 đồng.

+ Đợt 3: Ngày 19/7/2026 anh **Trịnh Văn H** phải trả chị **Nguyễn Thị C** số tiền là 100.000.000 đồng.

+ Đợt 4: Ngày 19/8/2026 anh **Trịnh Văn H** phải trả chị **Nguyễn Thị C** số tiền là 100.000.000 đồng.

+ Đợt 5: Ngày 19/9/2026 anh **Trịnh Văn H** phải trả chị **Nguyễn Thị C** số tiền là 100.000.000 đồng.

+ Đợt 6: Ngày 19/10/2026 anh **Trịnh Văn H** phải trả chị **Nguyễn Thị C** số tiền là 100.000.000 đồng.

+ Đợt 7: Ngày 19/11/2026 anh **Trịnh Văn H** phải trả chị **Nguyễn Thị C** số tiền là 100.000.000 đồng.

- Về nợ lãi với số tiền là 83.000.000 đồng: Các bên thống nhất thỏa thuận, anh **Trịnh Văn H** phải thanh toán trả chị **Nguyễn Thị C** số nợ trên vào ngày 30/4/2026 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/4/2026 trên số nợ gốc với lãi suất 0,6%/tháng, được thanh toán theo từng đợt với số tiền gốc nêu trên.

- Về việc cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Đại diện nguyên đơn và anh **Trịnh Văn H** thỏa thuận, nếu anh **H** vi phạm bất kỳ đợt thanh toán trả nợ nào (trả không đúng số tiền, không đúng thời gian đã cam kết) theo lộ trình nêu trên thì chị **Nguyễn Thị C** yêu cầu Thi hành án đối với toàn bộ khoản nợ trên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án theo nội dung thỏa thuận trên, cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất thỏa thuận trên phần nợ gốc tương ứng với số tiền chậm trả kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong phần nợ gốc nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Anh **Trịnh Văn H** tự nguyện chịu 19.245.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chi **Nguyễn Thị C** số tiền tạm ứng án phí là 17.580.000 đồng theo biên lai thu số 0001559 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Q